

Bản án số: 232/2017/HSST

Ngày: 11/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bạch Huệ

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc H
2. Ông Trần Ngọc Thực

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Trang - Cán bộ
Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn V M Diễm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ
Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 284/2017/HSST, ngày 29
tháng 5 năm 2017, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: LÊ BÁ T; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày:
08/5/1987 tại: tỉnh Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở: Tổ A, Khu phố B, phường C,
thành phố D, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo:
không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Lê Bá T, sinh
năm 1964; Con bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1967; Vợ: Cao Thị H, sinh năm
1987; Có 02 con: con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 27/6/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 14
năm tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số
38/2016/HSST ngày 27/6/2016”.

Tạm giam từ ngày 22/9/2015.

2. Họ và tên: AO YU(Hoàng Quang V) ;Giới tính: Nam; Tên gọi
khác: A DỄ; Sinh ngày: 13/11/1990 tại: Trung Quốc; HKTT: thôn A, thị trấn
B, huyện C, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc; Quốc tịch: Trung Quốc; Dân
tộc: Hán; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: Trung học cơ sở;

Con ông: Huang Rong Ping (Hoàng Vinh B), sinh năm: 1940; Con bà: Fan Yu Giao (Phạm Ngọc G), sinh năm: 1948; Hoàn cảnh gia đình: Chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 27/6/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 13 năm tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2016/HSST ngày 27/6/2016”.

Tạm giam từ ngày 22/9/2015.

Người bị hại:

1. Bà Huỳnh Thị Kim M, sinh năm 1968 (có mặt).

HKTT: Nguyễn Đình C, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

2. Bà Trần PH L, sinh năm 1964 (có mặt).

HKTT: Nguyễn Thị T, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người phiên dịch: Bà Lâu Cún Dềnh, sinh năm: 1983 (có mặt).

Là phiên dịch thuộc Công ty TNHH dịch thuật PH Tây;

Địa chỉ: 115/8 Lê Văn Sỹ, Phường 13, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa:

Luật sư Đỗ Hải Bình thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – bào chữa cho bị cáo Lê Bá T và AO YU(có mặt).

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 17/8/2015, bà Huỳnh Thị Kim M nhận được điện thoại giọng nữ tự nhận là nhân viên tổng đài điện thoại, thông báo số điện thoại 0710713608 do bà M đứng tên thuê bao đang nợ cước điện thoại với số tiền 8.930.000 đồng. Bà M xác định số điện thoại nói trên không phải của bà đăng ký thì được người phụ nữ này cho biết hiện thông tin cá nhân của bà đang bị lợi dụng để đăng ký sử dụng thuê bao điện thoại có nợ tiền và chuyển máy bà M đến nói chuyện với người đàn ông tự xưng là “Trung úy Bình” – cán bộ Công an TP Cần Thơ. Người này nói bà M hiện đang có tài khoản tại Ngân hàng TH mại Cổ phần Sài Gòn TH Tín (Sacombank) có số tiền khoảng 3,8 tỷ đồng có liên quan đến tội phạm buôn bán ma túy, rửa tiền và yêu cầu bà M cung cấp thông tin tài khoản cá nhân đang đăng ký tại các ngân hàng. Sau khi biết bà M có tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TH mại Cổ phần Á Châu, “Trung úy Bình” yêu cầu bà M rút toàn bộ số tiền tiết

kiệm này và nộp vào 03 tài khoản thuộc Sacombank – Chi nhánh Thanh Hóa để kiểm tra, làm rõ nguồn gốc tiền và sẽ trả lại trong vòng 24 giờ. Bà M tin tưởng nên vào ngày 18/8/2016, đã rút tiền và nộp tổng cộng 501.697.000 đồng vào 03 tài khoản trên như sau:

- Nộp vào tài khoản số 030027444391 tên Lục Thị H với số tiền 200.588.000 đồng.
- Nộp đồng vào tài khoản số 030027342430 tên Nguyễn Duy V với số tiền 151.109.000 đồng.
- Nộp vào tài khoản số 030027444111 tên Lê Thị Y với số tiền 150.000.000 đồng.

Sau khi chuyển tiền bà M không thể liên lạc được với “Trung úy Bình” nên biết mình bị lừa. Chiều ngày 18/8/2016, bà M đến Công an Phường 4, Quận 3 để trình báo sự việc. Công an Quận 3 đã đề nghị Sacombank phong tỏa 03 tài khoản trên và tiến hành xác minh, sao kê các tài khoản trên, kết quả như sau:

- Tài khoản tên Lục Thị H bị rút 100.000.000 đồng vào ngày 18/8/2016 tại ATM thuộc TP. Hải Dương, số tiền thu hồi được 100.578.000 đồng.
- Tài khoản tên Nguyễn Duy V bị rút 100.000.000đ vào ngày 18/8/2016 tại ATM thuộc TP. Hải Dương, số tiền thu hồi được 51.099.000 đồng.
- Tài khoản tên Lê Thị Y bị rút 100.000.000đ vào ngày 18/8/2016 tại ATM thuộc TP. Hải Dương, số tiền thu hồi được 49.990.000 đồng.

Căn cứ các bản sao kê đối với 03 tài khoản này xác định chỉ phát sinh giao dịch nộp tiền của Huỳnh Thị Kim M và giao dịch rút tiền như trên, nên tổng số tiền thu hồi 201.667.000 đồng đã được Công an Quận 3 trả lại cho Huỳnh Thị Kim M theo Quyết định xử lý vật chứng số 125, ngày 30/10/2015.

Ngoài ra, quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an TP. Hồ Chí Minh còn tiếp nhận đơn tố cáo của ông bà Trần PH L, ngụ tại nhà số 6/28 Đề Thám, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1. Nội dung đơn tố cáo thể hiện bà Trần PH L bị lừa đảo với cùng thủ đoạn nêu trên và bà L đã nộp tổng cộng 500.000.000 đồng vào 03 tài khoản mở tại Sacombank – Chi nhánh Thanh Hóa như sau:

- Nộp 200.000.000 đồng vào tài khoản số 030027474965 tên Ngô Đình Đ.
- Nộp 100.000.000 đồng vào tài khoản số 030027814626 tên M Văn Toàn.
- Nộp 224.315.200 đồng vào tài khoản số 030027445256 tên Nguyễn Hữu K.

Quá trình điều tra xác định như sau:

Khoảng tháng 9/2014, Lê Bá T thông qua bạn bè giới thiệu đã sang tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc tham gia vào đường dây lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức giả danh Cơ quan Công an, Viện kiểm sát gọi điện vào số điện thoại nhà riêng của người V Nam để đe dọa buộc họ chuyển tiền vào tài khoản của đồng bọn rồi rút ra chiếm đoạt. T tham gia với vai trò là người gọi điện thoại cho các bị hại. Sau đó, T trở về V Nam gặp một người phụ nữ tên Chung đã tham gia đường dây lừa đảo với T trước đây, được Chung đề nghị tham gia đường dây lừa đảo với mức lương 15.000.000đ/tháng, T đồng ý tham gia với vai trò thu mua thẻ tài khoản ngân hàng và trực tiếp cùng AO YU(Hoàng Quang V), người Trung Quốc đi rút tiền tại các trụ ATM và chuyển tiền về Trung Quốc dưới sự chỉ đạo của người đàn ông tên A Đệ (không rõ lai lịch). T biết tiền trong các tài khoản đều do lừa đảo mà có nên T không trực tiếp vào trụ ATM để rút tiền vì sợ bị camera của ngân hàng sẽ ghi lại hình ảnh, dễ bị Công an phát hiện nên AO YU là người trực tiếp cầm thẻ ATM rút tiền. T là người chở AO YU đến các trụ ATM để AO YU rút tiền, khi thẻ ATM bị khóa thì vứt bỏ thẻ. Số tiền rút được, Yu được A Đệ cho giữ lại một phần để chi phí cá nhân, số còn lại đưa cho T để T chuyển về cho A Đệ qua tài khoản tên Đồng Thị Liêm (hay Liền), ngụ Móng Cái, Quảng Ninh (làm dịch vụ chuyển tiền) nhưng đến nay T khai không còn nhớ các thông tin về tài khoản này.

Trong quá trình thu gom thẻ tài khoản, để tránh bị phát hiện, khi giao dịch mua thẻ T thường sử dụng tên giả là “Tuấn” và không cho biết mục đích của việc mua thẻ. Từ tháng 8/2015, thông qua Lê Thế Tân, Hà Văn H và Nguyễn Bá T, T đã thu gom được 05 thẻ ATM mang tên Lê Thị Y, Lục Thị H, Nguyễn Duy V, Nguyễn Hữu K và Ngô Đình Đ như trên. Giá thẻ T mua từ 2.500.000đ - 3.500.000đ/thẻ và bán lại thẻ cho A Đệ với giá 4.000.000đ/thẻ. T thừa nhận số tiền được rút ra từ 05 tài khoản trên là do T cùng Yu thực hiện.

AO YU(Hoàng Quang V thường gọi là A Dĩ) thừa nhận giữa năm 2015, Yu quen biết người Trung Quốc tên thường gọi là A Đệ (không rõ tên tuổi, lai lịch), Yu đồng ý với đề nghị của A Đệ là Yu sang V Nam tham gia đường dây lừa đảo chiếm đoạt tiền của người V Nam do A Đệ tổ chức và hưởng 6% trên số tiền rút được. Khoảng tháng 6/2015, Huang đi qua đường tiểu ngạch tại khu vực Móng Cái đến V Nam, theo hướng dẫn của A Đệ, Yu gặp và đi cùng Lê Bá T để sử dụng các thẻ ATM do A Đệ đưa hoặc Yu đang quản lý để đến các trụ ATM rút tiền. AO YU xác nhận là người thực hiện rút số tiền 400.000.000đ (mỗi tài khoản 100.000.000đ), từ các tài khoản mang tên Lê Thị Y, Lục Thị H, Nguyễn Duy V, Nguyễn Hữu K nêu trên và Yu cũng là người thực hiện rút số tiền 200 triệu đồng từ tài khoản mang tên Ngô Đình Đ (hành vi rút số tiền này trong tài khoản Ngô

Đình Đ của AO YU và Lê Bá T đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử trong vụ án khác).

Đối với tài khoản M Văn Toàn, Lê Bá T và AO YU đều không thừa nhận là người rút tiền trong tài khoản này.

Quá trình xác minh đối với các chủ tài khoản ngân hàng nói trên như sau:

Lục Thị H và Lê Thị Y (cháu dâu H) khai nhận: Khoảng đầu năm 2015, muốn đi kiếm việc làm nên H và Y mở thẻ ATM Sacombank tại huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Đến giữa tháng 8/2015, chồng H là Hà Văn H có nói bạn tên Lê Thế Tân ngụ cùng xã với H và Y muốn mượn thẻ của cả hai mà không biết để làm gì. Sau đó, H và Y giao cả hai thẻ ATM mang tên mình cho H.

Hà Văn H khai nhận: Vào khoảng giữa tháng 8/2015, H đi thăm con gái tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa thì gặp lại người quen là Lê Thế Tân đi cùng với một người xưng tên “Tuấn”. Tân và Tuấn có cho H biết đang chuẩn bị xây dựng trụ ATM nên cần mua thẻ ATM với số lượng lớn. H về thông báo lại với vợ là Lục Thị H, cháu dâu Lê Thị Y và em bên vợ là Nguyễn Thị H, qua đó thu gom được tổng cộng 14 thẻ ATM cung cấp cho Tân và Tuấn. Trong đó, Hà Văn H xác nhận 04 thẻ ATM có số tài khoản 030027444111 mang tên Lê Thị Y; số tài khoản 030027444391 mang tên Lục Thị H; số tài khoản 30027474965 mang tên Ngô Đình Đ và số tài khoản 030027445256 mang tên Nguyễn Hữu K do H cung cấp cho Tân và Tuấn và được chi trả tổng cộng 5.000.000đ, các tài khoản còn lại H không nhớ thông tin chi tiết. Số tiền có được, H sử dụng 2.200.000đ để chi trả cho Nguyễn Thị H để thanh toán cho tổng cộng 11 thẻ mà H cung cấp, còn lại 2.800.000đ H đã sử dụng cá nhân hết. Khi cung cấp thẻ cho Tân và Tuấn, H không biết các thẻ trên được dùng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Nguyễn Thị H khai: Sau khi được anh họ bên chồng tên Hà Văn H cho biết cần mua nhiều thẻ ATM để làm thủ tục đăng ký mở cây ATM, H đã đồng ý và kêu gọi nhiều người quen biết mở thẻ để cung cấp. Trong khoảng tháng 8/2015, H đã thu gom được tổng cộng 11 thẻ ATM để giao cho H và được H chi trả tổng cộng 2.200.000đ. Trong số các thẻ ATM cung cấp, H xác nhận thẻ ATM có số tài khoản 30027474965 mang tên Ngô Đình Đ và thẻ ATM có số tài khoản 030027445256 mang tên Nguyễn Hữu K là do H thu gom và cung cấp cho H. Toàn bộ số tiền H chi trả, H đã sử dụng để thanh toán phí làm thẻ và bồi dưỡng cho những người đứng tên chủ thẻ, phần còn lại sử dụng cho cá nhân hết. H không biết các thẻ trên được dùng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Nguyễn Hữu K và Ngô Đình Đ khai nhận là người đứng tên đăng ký mở các thẻ ATM trên để cung cấp cho Nguyễn Thị H. Chi phí đóng mở thẻ và đi lại

do H chi trả, ngoài ra, K và Đ không nhận thêm bất cứ khoản tiền nào từ H và không biết H sử dụng các thẻ trên vào việc gì.

Nguyễn Duy V khai được bạn là Lê Huy PH ngụ xã Đ Hoàng, huyện Đ Sơn, tỉnh Thanh Hóa nhờ làm thẻ ATM để sử dụng vì chứng minh nhân dân của PH bị mờ nên không mở được, do bạn bè thân tình nên V tin tưởng và đồng ý cùng PH đến ngân hàng Sacombank – Chi nhánh Thanh Hóa mở thẻ giúp PH, sau khi nhận được thẻ, V giao thẻ và mật mã cho PH và không nhận bất cứ khoản tiền nào từ PH.

Lê Huy PH khai nhận: Khoảng đầu tháng 8/2015, em vợ là Nguyễn Bá T ngụ tại Thôn 8, xã Đ Ninh, huyện Đ Sơn, tỉnh Thanh Hóa có nhờ PH làm dùm thẻ ATM để sử dụng. Vì anh em trong nhà nên PH đồng ý giúp mà không hỏi cụ thể về mục đích sử dụng, tuy nhiên do chứng minh nhân dân của PH bị mờ không làm thẻ được nên PH mới nhờ bạn là Nguyễn Duy V đứng tên dùm. Khi V đưa thẻ cho PH thì PH đưa lại cho T mà không nhận khoản tiền nào và không biết mục đích của T sử dụng thẻ ATM vào mục đích gì.

Nguyễn Bá T khai nhận: Khoảng đầu tháng 8/2015, được Lê Bá T là bạn từ trước, nhờ làm thẻ ATM cho T. Nhưng vì bận công việc nên T nhờ anh họ là Lê Huy PH làm. Sau đó vài ngày thì PH đưa cho T thẻ ATM mang tên Nguyễn Duy V có số tài khoản 030027342430 và T đưa cho T. Ngoài thẻ ATM Nguyễn Duy V trên ra thì T còn đưa thêm cho T thẻ ATM tên Lê Thị Hồng Duyên (vợ T) và được T đưa cho 5.000.000đ. Nguyễn Bá T không biết T sử dụng 02 thẻ trên vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

M Văn Toàn khai nhận: Khoảng tháng 9/2015, Toàn đến Sacombank tại Thái Bình đăng ký mở tài khoản số 030027814626. Do chưa có nhu cầu sử dụng nên Toàn để nguyên phong bì (gồm thẻ và mật mã pin) trong ví cá nhân. Đến khoảng 10 ngày sau thì bị mất nhưng không thông báo cho Ngân hàng biết để khóa thẻ. Toàn xác nhận chưa hề sử dụng tài khoản và không hề biết các khoản tiền được giao dịch trong tài khoản này.

Tại bản cáo trạng số 232/CT-VKS-P3 ngày 22/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Lê Bá T và AO YU về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a, khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội cơ bản như bản cáo trạng đã nêu và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Vị đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm đã truy tố, sau khi phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và đề nghị xử phạt bị cáo Lê Bá T từ 08 đến 09 năm tù, AO YU từ 07 đến 08 năm tù.

Luật sư Đỗ Hải Bình bào chữa cho bị cáo Lê Bá T và AO YU trình bày:

Đề nghị xem xét việc Viện kiểm sát truy tố số tiền các bị cáo chuyển vào tài khoản chứ không phải số tiền các bị cáo thực tế chiếm được là thiệt thòi cho các bị cáo, việc các bị cáo có hành vi giống nhau lại bị xử ở hai nơi khác nhau là gây bất lợi cho các bị cáo, xem xét vai trò đồng phạm của các bị cáo chỉ là thứ yếu, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khung hình phạt và mức hình phạt mà Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là cao so với hành vi của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc khi lượng hình để tổng hợp hình phạt không bất lợi cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai người làm chứng, người bị hại, phù hợp với các hình ảnh rút tiền thu giữ được của các bị cáo và các chứng cứ khác đã được thu thập qua quá trình điều tra, đã đủ cơ sở kết luận: Lê Bá T, AO YU và các đồng phạm tại Trung Quốc bằng hình thức giả danh nhân viên tổng đài điện thoại thông báo nợ cước, sau đó giả danh Cơ quan Công an đe dọa bị hại có liên quan đến tội phạm rửa tiền, buôn bán ma túy và yêu cầu nạn nhân chuyển tiền vào các tài khoản chỉ định để chiếm đoạt với tổng số tiền 726.012.200 đồng của bà Huỳnh Thị Kim M và bà Trần Thị PH L. Trong đó, Lê Bá T là người trực tiếp thu gom các thẻ tài khoản ngân hàng sau đó cung cấp cho các đồng phạm sử dụng để làm PH tiền lừa đảo, cũng như là người trực tiếp chở AO YU đến các máy ATM để Yu rút tiền từ lừa đảo có được sau đó đưa lại cho T để chuyển tiền về cho đối tượng chủ mưu là A Đệ.

Đối với các cá nhân đứng tên chủ thẻ Lục Thị H, Lê Thị Y, Nguyễn Duy V, Nguyễn Hữu K, Lê Đình Đ và các cá nhân cung cấp thẻ Lê Huy PH, Lê Bá T, Hà Văn H, Nguyễn Thị H, mặc dù các cá nhân này có hành vi bán các thẻ ATM mang tên mình và cung cấp thẻ cho nhóm tội phạm lừa đảo dùng các thẻ ATM làm PH tiền lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi này các cá nhân trên không biết mục đích sử dụng các thẻ ATM vào việc phạm tội nên chưa đủ cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với số tiền 100.000.000 đồng mà bà Trần PH L chuyển vào tài khoản số 030027814626 mang tên M Văn Toàn: nhận thấy chưa đủ cơ sở xác định Lê Bá T và AO YU cung cấp, sử dụng và rút tiền từ tài khoản này.

Đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Bá T và AO YU đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu của công dân đồng thời gây ảnh hưởng trật tự an xã hội, số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại là 726.012.200 đồng (của chị Huỳnh Thị Kim M là 501.697.000 đồng và của chị Trần PH L là 224.315.200 đồng). Do vậy cần áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật Hình sự với mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tuy nhiên cũng xem xét các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, đã ra đầu thú, bị cáo AO YU giữ vai trò đồng phạm thứ yếu trong vụ án, do vậy nghĩ nên giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Hội đồng xét xử chấp nhận những tình tiết giảm nhẹ như vị luật sư đã trình bày đối với bị cáo Lê Bá T và Huang Guang Yu.

Bằng thủ đoạn tương tự, các bị cáo cũng có hành vi chiếm đoạt tài sản của những người bị hại và đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bản án số 38/2016/HSST ngày 27/6/2016 đã có hiệu lực pháp luật, do đó cần tổng hợp bản án theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự:

Bà Huỳnh Thị Kim M trình bày bà đã nộp tổng cộng 501.697.000 đồng vào 03 tài khoản như sau: Nộp vào tài khoản số 030027444391 tên Lục Thị H với số tiền 200.588.000 đồng; Nộp đồng vào tài khoản số 030027342430 tên Nguyễn Duy V với số tiền 151.109.000 đồng; Nộp vào tài khoản số 030027444111 tên Lê Thị Y với số tiền 150.000.000 đồng. Tổng số tiền thu hồi 201.667.000 đồng đã được Công an Quận 3 trả lại cho bà theo Quyết định xử lý vật chứng số 125, ngày 30/10/2015. Bà M yêu cầu được nhận lại số tiền 300.030.000 đồng mà các bị cáo đã chiếm đoạt của bà. Xét số tiền mà bị hại yêu cầu là phù hợp, cần yêu cầu các bị cáo bồi thường lại cho bà M.

Bà Trần PH L trình bày: Bà nộp tổng cộng 500.000.000 đồng vào 03 tài khoản mở tại Sacombank – Chi nhánh Thanh Hóa như sau: Nộp 200.000.000 đồng vào tài khoản số 030027474965 tên Ngô Đình Đ; Nộp 100.000.000 đồng vào tài khoản số 030027814626 tên M Văn Toàn; Nộp 224.315.200 đồng vào tài khoản số 030027445256 tên Nguyễn Hữu K. Đối với số tiền 200.000.000 đồng nộp vào tài khoản Ngô Đình Đ đã được Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử và tuyên các bị cáo bồi thường cho bà. Còn lại bà yêu cầu các bị cáo bồi thường lại tổng số tiền chiếm đoạt 324.315.200 đồng. Qua xem xét hồ sơ Hội đồng xét

xử nhận thấy, số tiền 100.000.000 đồng mà bà Trần PH L chuyển vào tài khoản số 030027814626 mang tên M Văn Toàn, nhận thấy chưa đủ cơ sở xác định Lê Bá T và AO YU cung cấp, sử dụng và rút tiền từ tài khoản này. Do đó chỉ buộc các bị cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản số tiền 224.315.200 đồng và buộc các bị cáo bồi thường lại cho bà L được khấu trừ đi số tiền 124.800.214 đồng sẽ trả lại cho bà L, do đó buộc các bị cáo phải bồi thường cho bà L số tiền 99.514.986 đồng.

Vật chứng :

Số tiền 124.800.214 đồng thu giữ từ tài khoản tên Nguyễn Hữu K là số tiền mà bà Trần PH L nộp vào tài khoản, do vậy cần trả lại số tiền này cho bà Trần PH L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lê Bá T và AO YU phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a, khoản 4 điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47, Điều 50; Khoản 2 Điều 51; Điều 53 Bộ Luật Hình Sự,

1. Xử phạt: Lê Bá T 08 (Tám) năm tù.

Tổng hợp hình phạt trên với bản án xét xử bị cáo đã có hiệu lực pháp luật:

Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2016/HSST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Bá T phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 22 (Hai mươi hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2015.

2. Xử phạt: AO YU 07 (Bảy) năm tù.

Tổng hợp hình phạt trên với bản án xét xử bị cáo đã có hiệu lực pháp luật:

Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2016/HSST ngày 27/6/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo AO YU phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 20 (Hai mươi) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2015.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Buộc các bị cáo Lê Bá T và AO YU phải liên đới bồi thường cho những người bị hại, cụ thể:

Bồi thường cho bà Huỳnh Thị Kim M số tiền 300.030.000 đồng.

Bồi thường cho bà Trần PH L số tiền 99.514.986 đồng.

Cụ thể, bị cáo Lê Bá T nộp số tiền 199.789.719 đồng, bị cáo AO YU nộp số tiền 199.789.719 đồng để trả cho các bị hại.

Trả lại cho bà Trần PH L Số tiền 124.800.214 đồng theo phiếu nhập kho vật chứng số 11/PNK ngày 12 tháng 10 năm 2016 của cơ quan cảnh sát điều tra, công an Thành phố Hồ Chí Minh.

Mỗi bị cáo nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm mỗi bị cáo nộp 9.989.485 đồng.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, những người bị hại được quyền kháng cáo xin xét xử phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị cáo chưa thanh toán đủ số tiền bồi thường thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- Cục THA DS; (1)
- Sở tư pháp (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại giam; (2)
- THA HS; (2)
- Phòng PC 53-CA TP.HCM; (2)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (22) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Bạch Huệ

